

Số: 80 /CV-NN

Thọ Xuân, ngày 19 tháng 9 năm 2018

V/v hướng dẫn một số đặc điểm nhận biết và biện pháp phòng, chống bệnh Dịch tả lợn châu Phi.

Kính gửi: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn;

Theo thông tin của Tổ chức Thú y thế giới (OIE), ngày 01/8/2018, bệnh Dịch tả lợn châu Phi (tên tiếng Anh là African swine fever, viết tắt là ASF) lần đầu tiên được báo cáo xuất hiện tại tỉnh Hắc Long Giang của Trung Quốc. Tính đến ngày 11/9/2018, tổng cộng đã có 14 ổ Dịch tả lợn Châu Phi xuất hiện tại 6 tỉnh được Trung Quốc báo cáo cho OIE với tổng số lợn buộc phải tiêu hủy là hơn 38.000 con; mặt khác, từ cuối năm 2017 đến nay, đã có 17 quốc gia và vùng lãnh thổ báo cáo có Dịch tả lợn châu Phi.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại Công điện khẩn số 15/CĐ-UBND ngày 06/9/2018 về việc chủ động ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi vào địa bàn tỉnh và phòng, chống dịch bệnh động vật sau mưa lũ;

Thực hiện Công văn số 2956/SNN&PTNT-TY ngày 07/9/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc chủ động triển khai các biện pháp ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi vào địa bàn tỉnh và phòng, chống dịch bệnh động vật sau mưa lũ;

Thực hiện công văn số 1277/UBND-NN ngày 14/9/2018 của UBND huyện về việc chủ động ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi vào địa bàn huyện và phòng chống dịch bệnh động vật sau mưa lũ.

Để có căn cứ nhận biết bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, chủ động trong công tác ngăn chặn sự xâm nhiễm của bệnh Dịch tả lợn Châu Phi vào địa bàn huyện; Phòng Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số đặc điểm nhận biết và biện pháp phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi như sau:

### **1. Đặc điểm chung của Dịch tả lợn châu Phi**

Bệnh Dịch tả lợn châu Phi là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm do virus gây ra. Bệnh có đặc điểm lây lan nhanh trên loài lợn (gồm cả lợn nhà và lợn hoang dã); bệnh xảy ra ở mọi lứa tuổi và mọi loại lợn. Bệnh gây thiệt hại nghiêm trọng với tỉ lệ chết cao lên đến 100%. Virus gây ra bệnh Dịch tả lợn châu Phi có sức đề kháng cao trong môi trường, sau khi khỏi bệnh lâm sàng, lợn vẫn có khả năng mang virus trong thời gian dài và có thể trở thành vật chủ mang trùng suốt đời. Do vậy, nếu để xảy ra bệnh sẽ rất khó để loại trừ được mầm bệnh:

### **2. Đặc điểm của virus Dịch tả lợn Châu Phi**

- Virus Dịch tả lợn Châu phi là virus có gen di truyền dạng ADN, có vỏ bọc dạng Icoahedral, kích thước lớn, là Irido-virus và xếp vào họ Iridoviridae,

nhưng sau đó được phân loại vào chi mới chuyên biệt là chi Genus Asfi-virus thuộc họ Asfarviridae. Virus có 1 serotype, nhưng phát hiện có tới 16 genotypes và nhiều chủng khác nhau có độc lực khác nhau.

- Virus Dịch tả lợn Châu Phi được tìm thấy trong máu, cơ quan, dịch bài tiết từ lợn nhiễm bệnh và chết bởi bệnh này. Lợn sau khi khỏi bệnh sẽ ở thể miễn tính có thể mang virus suốt đời. Ngoài ra, ve mềm thuộc chi Omithodoros là một vector sinh học trong tự nhiên.

- Virus Dịch tả lợn Châu Phi có sức đề kháng cao, có thể tồn tại trong chất tiết, dịch tiết, trong xác động vật, trong thịt lợn và các chế phẩm từ thịt lợn như xúc xích, giăm bông, salami. Virus có khả năng chịu được nhiệt độ thấp, đặc biệt là trong các sản phẩm thịt lợn sống hoặc nấu ở nhiệt độ không cao nên virus có thể chịu được trong thời gian dài 3-6 tháng; virus có thể bị tiêu diệt ở nhiệt độ 56°C trong 70 phút hoặc ở 60°C trong 20 phút. Virus sống trong máu đã phân hủy được 15 tuần; trong máu khô không được 70 ngày; trong phân ở nhiệt độ phòng được 11 ngày; trong máu lợn ở nhiệt độ 4°C trong 18 tháng; trong thịt dính xương ở nhiệt độ 39°C được 15 ngày; trong giăm bông được 140 ngày và ở nhiệt độ 50°C tồn tại trong 3 giờ.

- Trong môi trường không có huyết thanh, virus có thể bị phá hủy ở pH<3,9 hoặc ở pH >11,5. Môi trường có huyết thanh virus có thể tồn tại được ở pH=13,4 trong 7 ngày; không có huyết thanh virus có thể sống được 21 giờ.

- Hóa chất để diệt virus Dịch tả lợn châu Phi bao gồm ether, chloroform và hợp chất Iodine hoặc sử dụng Sodium hydroxide với tỷ lệ 8/1.000 hoặc formalin với tỷ lệ 3/1.000 hoặc chất tẩy trắng hypochlorite chứa chlorine 2,3% hoặc chất ortho-phenylphenol 3% nhưng phải duy trì thời gian 30 phút.

### **3. Quá trình gây bệnh và lây lan virus Dịch tả lợn châu Phi**

- Bệnh Dịch tả lợn châu Phi có thời gian ủ bệnh từ 3-15 ngày, ở thể cấp tính thời gian ủ bệnh chỉ từ 3-4 ngày.

- Virus Dịch tả lợn châu Phi lây nhiễm qua đường hô hấp và tiêu hóa, thông qua sự tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với các vật thể nhiễm virus như: chuồng trại, phương tiện vận chuyển, dụng cụ, đồ dùng, quần áo nhiễm virus và ăn thức ăn thừa chứa thịt lợn nhiễm bệnh hoặc bị ve mềm cắn.

### **4. Triệu chứng, bệnh tích của bệnh Dịch tả lợn châu Phi**

#### *a. Chẩn đoán lâm sàng*

- Lợn bị nhiễm Dịch tả lợn châu Phi có nhiều triệu chứng, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của bệnh. Lợn bệnh biểu hiện các triệu chứng không khác biệt so với triệu chứng của bệnh Dịch tả lợn cổ điển (đã và đang có tại Việt Nam). Do đó, việc chẩn đoán Dịch tả lợn châu Phi khó có thể xác định và phân biệt được bằng triệu chứng lâm sàng; cần lấy mẫu gửi phòng thí nghiệm để xét nghiệm phát hiện virus Dịch tả lợn châu Phi.

- Thể quá cấp tính (Peracute) là do virus có độc lực cao, lợn sẽ chết nhanh, không biểu hiện triệu chứng hoặc lợn sẽ nằm và sốt cao trước khi chết.

- Thể cấp tính (Acute) là do virus có độc lực cao gây ra, lỵ sốt cao (40,5-42°C). Trong 2-3 ngày đầu tiên, giảm bạch cầu và giảm tiểu cầu. Lỵ không ăn, lười vận động, ủ rũ, nằm chùng đống, lỵ thích nằm chỗ có bóng râm hoặc gần nước. Lỵ có biểu hiện đau vùng bụng, lưng cong, di chuyển bất thường, một số vùng da trắng chuyển sang màu đỏ, đặc biệt là ở vành tai, đuôi, cẳng chân, da phần dưới vùng ngực và bụng, có thể có màu sẫm xanh tím. Trong 1-2 ngày trước khi chết, có triệu chứng thần kinh, di chuyển không vững, nhịp tim nhanh, thở gấp, khó thở hoặc có bọt lẫn máu ở mũi, viêm mắt, nôn mửa, tiêu chảy đôi khi lẫn máu hoặc táo bón, phân cứng đóng viên có kích thước nhỏ, có chất nhầy và máu. Lỵ sẽ chết trong vòng 6-13 hoặc 20 ngày. Lỵ mang thai có thể xảy thai ở mọi giai đoạn. Tỷ lệ chết cao lên tới 100%. Lỵ khỏi bệnh hoặc nhiễm virus thể mãn tính thường không có triệu chứng, nhưng chúng sẽ là vật chủ mang virus Dịch tả lỵ châu Phi trong suốt cuộc đời.

- Thể á cấp tính (Subacute) gây ra bởi virus có độc tính trung bình. Chủ yếu được tìm thấy ở châu Âu, lỵ biểu hiện triệu chứng không nghiêm trọng. Lỵ sốt nhẹ hoặc sốt lúc tăng lúc giảm, giảm ăn, sụt cân, ủ rũ, viêm toàn bộ phổi nên khó thở, ho có đờm, phổi có thể bội nhiễm vi khuẩn kế phát, viêm khớp, vận động khó khăn. Bệnh kéo dài 5-30 ngày, nếu máu ứ trong tim (cấp tính hoặc suy tim) thì lỵ có thể chết, lỵ mang thai sẽ xảy thai, lỵ chết trong vòng 15-45 ngày, tỷ lệ chết khoảng 30-70%. Lỵ có thể khỏi hoặc bị bệnh mãn tính.

- Thể mãn tính (Chronic form) gây ra bởi virus có độc tính trung bình hoặc thấp, chủ yếu được tìm thấy ở Angola và châu Âu. Lỵ có nhiều triệu chứng khác nhau, chẳng hạn như giảm cân, sốt không ổn định, có triệu chứng hô hấp, hoại tử da, hoặc viêm loét da mãn tính, viêm khớp, viêm cơ tim, viêm phổi dính sườn, viêm các khớp khác nhau trong giai đoạn phát triển. Triệu chứng kéo dài 2-15 tháng, có tỷ lệ tử vong thấp, lỵ khỏi bệnh sau khi nhiễm virus gây nên bệnh sẽ trở thành dạng mãn tính.

#### *b. Bệnh tích*

- Thể cấp tính: Xuất huyết nhiều ở các hạch lympho ở dạ dày, gan và thận. Thận có xuất huyết điểm, lá lách to có nhồi huyết. Da có màu tối và phù nề, da vùng bụng và chân có xuất huyết. Có nhiều nước xung quanh tim và trong xoang ngực hoặc xoang bụng, có các điểm xuất huyết trên nắp thanh quản, bàng quang và bề mặt các cơ quan bên trong; phù nề trong cấu trúc hạch lâm ba của đại tràng và phần tiếp giáp với túi mật, túi mật sung.

- Thể mãn tính: Có thể gặp xơ cứng phổi hoặc có các ổ hoại tử hạch, hạch phổi sung, viêm dính màng phổi.

### **5. Chẩn đoán bệnh Dịch tả lỵ châu Phi**

#### *a. Chẩn đoán phân biệt*

- Dịch tả lỵ châu Phi và Dịch tả lỵ cổ điển khó có thể chẩn đoán phân biệt nếu dựa vào các triệu chứng lâm sàng và bệnh tích. Vì vậy, trong mọi trường hợp, phải lấy mẫu xét nghiệm tại phòng thí nghiệm để xét nghiệm phát hiện mầm bệnh.

- Các bệnh khác cần được chẩn đoán phân biệt với bệnh Dịch tả lợn châu Phi bao gồm các bệnh: Bệnh Tai xanh (PRRS), đặc biệt là thể cấp tính, bệnh Đóng dấu lợn, bệnh Phổ thương hàn, bệnh Tụ huyết trùng, bệnh liên cầu khuẩn do Streptococcus suis, bệnh Glasser, bệnh ký sinh trùng đường máu do Trypanosoma gây ra, Hội chứng viêm da sung thận do PCV2, bệnh giả dại ở lợn choai và bị ngộ độc muối.

*b. Lấy mẫu xét nghiệm*

- Lấy mẫu máu lợn đang sốt trong giai đoạn đầu, máu được chống đông bằng bổ sung EDTA 0,5% hoặc Heparin.

- Lách, các bạch huyết, hạch amidan bảo quản ở nhiệt độ 4°C.

- Huyết thanh từ động vật khỏi bệnh, lấy mẫu trong vòng 8-21 ngày sau khi lợn nhiễm bệnh.

*c. Xét nghiệm phát hiện virus gây bệnh Dịch tả lợn châu Phi*

- Sử dụng tế bào monocytes sơ cấp của lợn hoặc tế bào tủy xương, phần lớn virus Dịch tả lợn châu Phi phân lập được sẽ sinh ra Haemadsorption.

- Phát hiện kháng nguyên bằng phương pháp Fluorescent antibody test (FAT) kết quả dương tính của FAT cùng với các triệu chứng và các tổn thương có thể sơ bộ xác định bệnh Dịch tả lợn châu Phi.

- Phương pháp PCR: là kỹ thuật cần thiết đối với việc xét nghiệm các mẫu lợn nghi bị nhiễm virus Dịch tả lợn châu Phi.

- Tiêm động vật thí nghiệm: Hiện không được khuyến cáo sử dụng phương pháp này vì nguy cơ lây lan bệnh cao.

- Kiểm tra huyết thanh bệnh Dịch tả lợn châu Phi bằng kỹ thuật ELISA hoặc IF A (Indirect fluorescent antibody).

## **6. Phòng, chống bệnh Dịch tả lợn châu Phi**

Hiện nay chưa có vắc xin và thuốc điều trị được bệnh Dịch tả lợn châu Phi vì vậy giải pháp phòng bệnh là chính, phát hiện và xử lý triệt để ổ dịch ngay từ khi ở phạm vi nhỏ và chưa lây lan; kiểm soát kiểm dịch nhập khẩu, kiểm soát vận chuyển lợn và chăn nuôi an toàn sinh học là các biện pháp chủ lực được các nước đã và đang áp dụng.

Trên đây là các đặc điểm nhận biết bệnh Dịch tả lợn châu Phi, Phòng Nông nghiệp và PTNT đề nghị Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiên cứu và phổ biến cho cán bộ thú y được biết và thực hiện có hiệu quả./.

**Nơi nhận:**

- TT. Huyện uỷ, UBND huyện (để B/c);

- Như k/g (T/h);

- Lưu: VT, NN.

